TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2019/DS-PT.
Ngày: 30/10/2019
V/v:"Tranh chấp QSDĐ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng– Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2019/TLPT-DS ngày 05/8/2019 về việc: "Tranh chấp QSDĐ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số12/2019/DS –ST ngày 11/6/2019của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số/2019/QĐ-PT ngày …./…./2019 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y (Công ty Lâm nghiệp Y).

Trụ sở: Phố Đề N, thị trấn Cầu G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Hoàng Văn Ch – Chủ tịch Hội đồng thành viên đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến V1 - Giám đốc Công ty, (có mặt).

+ Bị đơn: Chị Lê Thị Nh, sinh năm 1982, (có mặt).

Địa chỉ: Bản Ch, xã Canh N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi ngĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nông Văn L, sinh năm 1981, chồng chị Nh, (có mặt);

Địa chỉ: Bản Ch, xã Canh N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1966, (có mặt);

3. Anh Phạm Bá V, sinh năm 1962, chồng chị H, (có mặt);

Địa chỉ: Bản Đồng M, xã Tam H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Chi Lê Thị H1, sinh năm 1964, (có đơn xin vắng mặt);

Bản Đồng A, xã Đồng T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Lê Thị H2, sinh năm 1968, (có đơn xin vắng mặt);

6 Chị Lê Thị H3, sinh năm 1973, (có đơn xin vắng mặt);

Đều ở địa chỉ: Bản Ch, xã Canh N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Lê Thị H4, sinh năm 1960, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Đồng K, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

8. Chị Lê Thị Th, sinh năm 1971, (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Sơn L, xã Thọ S, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước.

9. Bà Âu Thị Đ, sinh năm 1946, (vắng mặt);

10. Anh Lê Văn K, sinh năm 1984, (vắng mặt);

11. Chị Kiềng Thị Ch, sinh năm 1986, (có đơn xin vắng mặt);

Đều ở địa chỉ: Bản Ch, xã Canh N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

12. UBND xã Canh N, huyện Y do ông Sầm Bá T - Chủ tịch UBND xã đại diện, (có đơn xin vắng mặt);

13. Chủ tịch UBND xã Canh N: Ông Sầm Bá T, (có đơn xin vắng mặt);

14.Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Văn Q - Phó trưởng Phòng Tài nguyên & Môi trường là người đại diện theo ủy quyền, (có đơn xin vắng mặt).

15. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang do ông Ngô Văn Xuyên - Phó giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang là người đại diện theo ủy quyền,(có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Công tyLâm nghiệp do ông Nguyễn Văn H5 đại diện theo ủy quyền đã trình bầy: Theo Quyết định số 745/CT, ngày 07/8/1993, UBND tỉnh Hà Bắc thì

UBND tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) đã giao cho Công ty Lâm nghiệp Y được quản lý, sử dụng 6.585ha đất của 10 xã thuộc huyện Y, trong đó có xã Canh N. Trong các năm 2007, 2010 Nhà nước có chủ trương bàn giao một phần đất của Công ty về cho địa phương quản lý. Tại địa bàn xã Canh N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang Công ty được quản lý 2.485,48ha đất rừng trong đó có diện tích 2,4ha đang xẩy ra tranh chấp với chị Lê Thị Nh. Theo Sơ đồ thiết kế trồng rừng năm 2012 thì 2,4ha đang tranh chấp nói trên gồm có 02 ha tại lô a4, khoảnh 9 và 0,4ha tại lô a14, khoảnh 6 ở bản Chay, xã Canh N. Ngày 18/4/2012, chị Lê Thị Nh đã thuê một số người đến cuốc hố, mang cây lên trồng trên diện tích đất có diện tích 2,4ha của Công ty. Ngày 20/4/2012,Công ty đã làm đơn gửi UBND xã Canh N yêu cầu UBND xã giải quyết việc lấn chiếm đất của chị Nh. Ngày 24/5/2012, UBND xã Canh N đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị Nh có nội dung: Chị Nh bị phạt số tiền 2.000.000đ và chị Nh phải thu dọn các cây đã trồng trên đất để trả lại đất cho Công ty. Nhưng chị Nh đã không thực hiện Quyết định xử phạt hành chính. Chị Nh không nộp tiền phạt và không tháo dỡ cây để trả đất cho Công ty. Nay, Công ty làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- Xử lý nghiêm đối với Lê Thị Nh về hành vi chiếm đất của Công ty.

- Yêu cầu vợ chồng chị Nh, anh L trả lại cho Công ty phần diện tích đất đã lấn chiếm.

- Yêu cầu chị Nh phải dỡ bỏ toàn bộ cây trồng và bồi thường cho Công ty số tiền 10.000.000đ do chị Nh đã có hành vi ngăn cản Công ty trồng cây khiến Công ty đã bị thiệt hại.

Ngày 6/12/2013,Công ty rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc "Đề nghị xử lý nghiêm đối với chị Nh".

Công ty đã sửa đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là:

- Yêu cầu vợ chồng chị Nh, anh L trả lại cho Công ty 2,4ha đất và nhận lại toàn bộ tài sản là số cây chị Nh, anh L đã trồng trên đất (theo Quyết định phê duyệt đầu tư trồng rừng chăm sóc rừng 1,2,3 năm 2012) với số tiền 33.278.400đ;

- Yêu cầu chị Nh, anh L bồi thường thiệt hại cho Công tysố tiền 5.047.000đ do (ngày 21/6/2012) chị Nh, anh L đã ngăn cản không cho Công ty trồng rừng.

Chị Lê Thị Nh đã trình bầy: Phần diện tích đất rừng ở khu Khe S, hiện đang xẩy ra tranh chấp giữa chị với Công ty có nguồn gốc là của bố mẹ chị (là ông Lê Văn Kh, bà Âu Thị Đ) đã khai phá và cho các con canh tác gồm có chị (Lê Thị Nh) và các chị em của chị là: Chị Lê Thị H, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H3, chị Lê

Thị H4, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị Th. Đầu năm 2012, chị được các chị em trong gia đình ủy quyền (bằng miệng) cho chị về việc thuê người dọn bãi, cuốc hố, trồng cây và chăm sóc cây. Khi thu hoạch cây thì chị đã chia lợi nhuận cho mọi người. Khi cuốc hố, trồng cây thì chị không thấy Công ty Lâm nghiệp phản đối. Sau khi chị trồng cây được khoảng 2 tháng thì cán bộ của Công ty đã đến phá cây. Nay, chị không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Công ty vì phần đất này là của bố mẹ chị khai phá từ trước năm 1970. Bố mẹ chị cũng như chị và các anh chị em chị cũng không được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần diện tích đất rừng trên.

Anh Nông Văn L đã trình bầy: Anh là chồng của chị Lê Thị Nh. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa Công ty Lâm nghiệp với chị Nh là đất của bố mẹ vợ anh (ông Kh, bà Đ) đã khai hoang từ trước. Sau đó Công ty Lâm nghiệp đã lấy phần đất này để trồng cây. Vào tháng 4/2012, ông K1 là cán bộ Công ty Lâm nghiệp đã gọi anh đến để nhận lại đất nhưng Công ty cũng không có biên bản trả đất cho anh. Sau đó anh đã cuốc hố trồng cây. Anh đã trồng được khoảng 200 cây bạch đàn, nhưng anh không rõ là anh đã trồng cây được bao nhiêu ha rừng. Khi anh trồng cây, anh không thấy Công ty phản đối. Khoảng 3 – 4 tháng sau, Công ty đã cho công nhân đến cuốc hố trồng cây trên phần đất mà anh đang canh tác. Hai bên đã xảy ra tranh chấp. Anh chỉ canh tác 1 phần đất rừng trồng được khoảng 200 cây bạch đàn. Nay xẩy ra tranh chấp đất rừng với Công ty thì anh cũng đồng ý trả lại phần đất này cho Công ty, nhưng anh yêu cầu Công ty bồi thường cho anh trị giá 200 cây bạch đàn là 14.000.000đ và 5.000.000đ tiền công khai phá.

Tại biên bản làm việc ngày 5/6/2014, anh L và chị Nh yêu cầu Công ty phải trả cho anh L, chị Nh 5.000.000đ.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2014, anh L không đồng ý trả đất cho Công ty.

Chị Lê Thị H3 trình bầy: Chị là chị của chị Nh. Chị đồng ý với ý kiến của chị Nh đã trình bầy. Vợ chồng chị Nh, anh L đã bỏ tiền mua giống cây, phân bón, còn các chị bỏ công sức trồng. Các chị em trong gia đình đã thỏa thuận giao cho chị Nh trồng, chăm sóc cây. Khi nào cây được thu hoạch thì lợi nhuận chia chung. Chị chưa phải góp chi phí gì vào việc trồng cây. Phần đất tranh chấp này là của bố mẹ chị khai hoang. Nay chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Chị Lê Thị H trình bầy: Chị là chị của chị Nh. Về nguồn gốc đất tranh chấp do bố mẹ chị khai hoang từ trước. Năm 1994, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Đặng Thị M đã cuốc sắn trên phần đất của hộ gia đình chị đã khai phá để trồng cây. Mọi

người trong gia đình chị đã ngăn cản nên đã xảy ra tranh chấp. Năm 2011, Công ty khai thác gỗ xong Công ty đã gọi anh Lê Văn K (em trai của chị) đến để Công ty trả lại đất nhưng không lập thành văn bản. Sau khi Công ty trả đất 7 chị em trong gia đình chị đã cuốc hố, trồng cây. Nay,Công ty yêu cầu chị trả lại đất và bồi thường thiệt hại cho Công ty thì chị không đồng ý.

Chị Lê Thị H4 trình bầy: Chị là chị của chị Nh. Năm 2012, mẹ chị đã cho 7 các chị em trong gia đình (Hoa, Hoàn, Hồng, Hương, Hường, Nhiên, Thơm) trồng cây tại thửa đất đang tranh chấp với Công ty nhưng chị không xác định được ranh giới, số lô, số khoảnh cụ thể của phần đất tranh chấp này. Chị trồng được khoảng 200 cây bạch đàn. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu chị trả đất và bồi thường thiệt hại cho Công ty thì chị không đồng ý.

Chị Lê Thị H1 trình bầy: Chị là chị của chị Nh. Nguồn gốc thửa đất rừng đang xẩy ra tranh chấp là do bố mẹ chị khai phá và cho 7 chị em trong gia đình chị trồng cây, chị đã trồng được khoảng 300 cây. Chị nhất trí với ý kiến của chị Nh và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Bà Âu Thị Đ trình bầy: Bà là mẹ của chị Nh, phần đất đang tranh chấp nêu trên do vợ chồng bà khai phá từ khi bà còn trẻ. Khi đó các con bà cùng vợ chồng bà trồng khoai, sắn. Khoảng năm 1994-1995, bà đang trồng sắn thì Công ty đã đến cuốc sắn của bà lên để trồng cây. Cuối năm 2011,Công ty khai thác cây xong thì ông K1 (là cán bộ Công ty) đã gọi bà đến để Công ty trả đất cho bà nhưng không lập thành văn bản. Năm 2012, bà đã cho 7 con gái của bà là chị Lê Thị Nh, chị Lê Thị H, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H4, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị Th canh tác toàn bộ thửa đất trên. Bà không phân định ranh giới sử dụng đất giữa 7 người con.

Chị Kiềng Thị Ch trình bầy: Chị là vợ của anh Lê Văn K. Cuối năm 2011, cán bộ của Công ty đã gọi anh Kiên đến nhận lại đất (hiện nay phần đất này đang xẩy ra tranh chấp cới Công ty). Anh K đã đi cùng anh Phạm Bá V (chồng chị Lê Thị H) đến nhận đất. Sau đó, anh Kiên có ký vào tờ giấy viết tay của ông Tuyến (cán bộ Công ty). Anh K cũng không ký Hợp đồng trồng cây với Công ty. Hiện nay, hộ gia đình chị đã ký Hợp đồng trồng cây với Công ty trên phần đất có diện tích là 0,5ha giáp với phần đất mà anh Kiên đã nhận hộ chị Nh và anh Kiên đã giao đất ở Khe S cho các chị em của chị Nh sử dụng.

Anh Lê Văn K trình bầy:Anh là con của bà Âu Thị Đ. Cuối năm 2011, anh T1 và anh K1 là cán bộ của Công ty đã gọi anh đến để nhận lại phần đất do ông Định đã trồng cây và đã khai thác cây xong và trả lại đất cho Công ty. Phần đất

đang xẩy ra tranh chấp này có nguồn gốc là của mẹ anh đã khai hoang và đã cho chị Nh và vợ chồng chị H, anh V canh tác nhưng do anh V không có hộ khẩu thường trú tại xã nên không thể giao đất rừng cho anh V được. Sau khi nhận lại đất của Công ty thì chị H, chị Nh đã sử dụng và trồng cây từ đó đến nay. Diện tích đất ở khu vực Khe S mà anh đã nhận chính là phần đất đang tranh chấp giữa Công ty với chị Nh. Khi nhận lại đất anh có ký vào tờ giấy viết tay do anh T1 giữ. Sau khi nhận lại đất anh đã giao lại cho chị Nh, chị H sử dụng để trồng cây. Hiện nay anh không liên quan gì đến phần đất này nữa.

Tại biên bản thẩm định, định giá đã xác định diện tích đất đo thực tế là 2,487ha trong đó có diện tích 2,128ha tại lô a4, khoảnh 9 và 0,359ha tại lô a14, khoảnh 6. Tại lô a4, khoảnh 9 có 3.402 cây bạch đàn; tại lô a 14, khoảnh 6 có 574 cây bạch đàn.

Tại bản án sơ thẩm số 40/2014/DS-ST ngày 15/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y đã xử: Buộc chị Nh, anh L phải trả lại diện tích 2,128ha đất tại lô a4 khoảnh 9 và diện tích 0,359ha đất tại lô a14 khoảnh 6. Buộc chị Nhiên phải tháo dỡ 3.402 cây bạch đàn trên diện tích đất 2,128ha thuộc lô a4, khoảnh 9 và 574 cây bạch đàn trên phần đất có diện tích 0,359ha thuộc lô a14, khoảnh 6 trong thời hạn 6 tháng để trả lại đất cho Công ty. Bác yêu cầu của Công ty Lâm nghiệp Y về việc yêu cầu chị Lê Thị Nh bồi thường thiệt hại số tiền 5.047.000đ.

Không nhất trí với bản án Công ty Lâm nghiệp, chị Lê Thị Nh, anh Nông Văn L, chị Lê Thị H1, Lê Thị H2, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H4, bà Âu Thị Đ, anh Lê Văn K đã kháng cáo bản án trên.

Tại bản án số 49/2015/DS-PT ngày 03/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 40/2014/DS-ST ngày 15/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPVPHC ngày 24/5/2012 của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Canh N; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Chủ tịch, Ủy ban nhân dân xã Canh N, Ủy ban nhân dân huyện Y tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng; Bản án đã xác định sai tư cách tố tụng đối với anh L; không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại cơ cở chưa đảm bảo quy định; Bản án buộc một mình chị Nh phải tháo dỡ cây là không chính xác.

Ngày 05/10/2015, Tòa án nhân dân huyện Y đã thụ lý lại vụ án. Ngày 31/3/2016 Tòa án đã có Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả hòa giải tranh chấp đất đai tại cơ sở.

Ngày 6/6/2017, chị Lê Thị Nh đã khởi kiện Quyết định hành chính số 101/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của Ủy ban nhân dân xã Canh N (có nội dung hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05 ngày 24/5/2012 của ủy ban nhân dân xã Canh N). Ngày 13/7/2017, Tòa án đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả giải quyết của vụ án hành chính.

Trong khi vụ án đang tạm đình chỉ thì chị Nh có hành vi khai thác cây để bán. Công ty Lâm nghiệp đã có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp". Ngày 22/8/2017, Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: "Cấm hộ gia đình chị Lê Thị Nh thực hiện các hành vi khai thác, chặt phá rừng trồng, thuê người khai thác, chặt phá rừng trồng tại diện tích 02ha đất tại lô a4, khoảnh 9, tại bản Chay, xã Canh N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang". Sau khi Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng chị Nh không chấp hành. Chị Nh vẫn khai thác toàn bộ số cây đã trồng trên phần diện tích đất đang tranh chấp.

Ngày 6/3/2018, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

Ngày 22/5/2018, do chị Nh đã khai thác cây trên phần đất đang tranh chấp. Công ty Lâm nghiệp đã có đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Yêu cầu chị Nh tháo dỡ toàn bộ số cây chồi, cây mới trồng trên diện tích đất 2,4ha tại lô a4, khoảnh 9 và lô a14, khoảnh 6 thuộc Đội Đèo U để trả lại đất cho Công ty.

- Yêu cầu chị Nh bồi thường cho Công ty 50.000.000đ do chị Nh đã có hành vi lấn chiếm đất trái phép làm cho Công ty không thể trồng cây được trên đất từ năm 2012 đến nay gây thiệt hại cho Công ty.

Sau khi Công ty bổ sung yêu cầu khởi kiện, ngày 14/12/2018 chị Nh có 01 đơn trình bầy: Cuối năm 2017, các chị em chị đã khai thác hết cây trên phần đất đang tranh chấp. Sau khi khai thác cây xong, chị Nh đã trả lại đất cho chị H. Nay, chị Nh không liên quan đến phần đất tranh chấp này nữa.

Tại bản khai bổ sung, anh Nông Văn L đã trình bầy: Cuối năm 2017 chị em của chị Nh đã khai thác cây và đã bán được khoảng 200.000.000đ. Tiền bán cây do chị Nh quản lý. Sau khi khai thác cây xong chị Nh đã trả đất lại cho chị H, anh V. Hiện nay chị Nh không liên quan đến phần đất này nữa.

Tại bản khai, chị Lê Thị H1 trình bầy bổ sung: Bản thân chị được bố mẹ cho đất nhưng chị cũng không trồng cây mà chị chỉ bỏ công sức. Năm 2017, chị Nh, chị H khai thác cây, tiền bán cây do chị Nh, chị H thu, chị không hưởng lợi gì.

Hiện nay đất đó đã được trồng cây, còn ai trồng cây thì chị không biết. Nay,Công ty khởi kiện thì chị không liên quan.

Tại bản khai, anh Phạm Bá V đã trình bày bổ sung: Năm 2012, vợ chồng anh và chị Nh đã trồng cây keo và cây bạch đàn. Đến cuối năm 2017, vợ chồng anh và chị Nh cùng nhau khai thác cây. Nay, vợ chồng anh cùng chị Nh đã trồng lại cây keo và cây bạch đàn còn một số cây là mầm chồi từ những cây cũ. Nay,Công ty khởi kiện yêu cầu chị Nh trả lại cho Công ty phần đất có diện tích 2,4ha và bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000đ thì anh không đồng ý vì đất của bố mẹ vợ đã cho anh và cho các chị em khác của chị H (vợ anh) quản lý, sử dụng.

Tại bản tự khai, bà Đ vẫn giữ nguyên quan điểm cho rằng: Phần đất đang tranh chấp là đất của bà Đ do bà Đ đã khai phá. Nay, Công ty yêu cầu chị Nh trả đất cho Công ty thì bà không nhất trí.

Chị H3, chị H2 không khai báo bổ sung gì thêm.

UBND tỉnh Bắc Giang do ông Ngô Văn X là người đại diện theo ủy quyền đã trình bầy: Ngày 13/8/1963, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc đã ban hành Quyết định số 709/TCCB ngày 13/8/1963 về việc thành lập Lâm trường Hoàng Hoa Thám (nay là Công ty Lâm nghiệp). Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc đã giao cho Lâm trường quản lý, sử dụng 15.755ha đất trong đó có lô e và g khoảnh 6 (nay là lô a4, khoảnh 9 và lô a14, khoảnh 6). Qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý, tổ chức hoạt động của Lâm trường. Năm 2011 đã thực hiện việc đo đạc lại mốc giới của Lâm trường thì đã xác định Công ty Lâm nghiệp thực tế quản lý sử dụng 2.341ha (trong đó có lô a4, khoảnh 9 và lô a14, khoảnh 6) và Công ty đã bàn giao cho địa phương quản lý 246,8ha. Việc đo đạc lại mốc giới trên là thực hiện theo hướng dẫn của Công văn số 4043/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 11/11/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xác định cắm mốc, đo đạc ranh giới đất nông, lâm nghiệp của trường quốc doanh. Do có tranh chấp đất lâm nghiệp giữa Công ty Lâm nghiệp và hộ chị Lê Thị Nh nên phần đất tranh chấp vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Nhưng phần đất tranh chấp này đã được Cơ quan có thẩm quyền giao cho Công ty Lâm nghiệp quản lý, sử dụng và thực hiện nghĩa vụ giao khoán cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định. Do vậy phần đất tranh chấp này thuộc quyền của Công ty Lâm nghiệp vì Công ty Lâm nghiệp đã được giao quản lý từ 1963 đến nay.

UBND huyện Y do ông Nguyễn Văn Q là người đại diện theo ủy quyền đã trình bầy: Công ty Lâm nghiệp tiền thân là Lâm trường Hoàng Hoa Th sau được chuyển đổi thành Lâm trường Y, sau đó đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Y. Trong

quá trình hoạt động, việc quản lý sử dụng đất của Công ty đối với phần đất được Nhà nước giao là vẫn thường xuyên liên tục và được thể hiện trong các Hồ sơ quản lý, sử dụng đất (như các Quyết định của UBND tỉnh về giao đất, phê duyệt kế hoạch, tổ chức sản xuất, phương án chuyển đổi cho Công ty và hệ thống bản đồ, hồ sơ thiết kế trồng rừng, Hợp đồng giao khoán của Công ty với các hộ gia đình, cá nhân...). Nay có xảy ra tranh chấp, UBND huyện đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu có trong hồ sơ quản lý đất đai của Công ty đã được UBND tỉnh Hà Bắc sau là UBND tỉnh Bắc Giang giao cho Công ty quản lý sử dụng đất qua các thời kỳ cũng như các Hợp đồng giao khoán giữa Công ty với các hộ dân để xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi của các bên.

UBND xã Canh N do ông Sầm Bá T là Chủ tịch xã đại diện đã trình bầy: Công ty Lâm nghiệp được giao đất trồng rừng năm 1963 theo Quyết định số 709/TSCB ngày 13/8/1963 và Quyết định số 745/CT ngày 07/8/1993. Sau khi được UBND tỉnh giao đất thì Công ty Lâm nghiệp đã thực hiện việc giao khoán đất trồng rừng cho các hộ công nhân của Công ty trên địa bàn xã. Năm 2011, khi có Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang chuyển đổi từ rừng phòng hộ thành rừng sản suất, Công ty đã giao đất rừng cho các hộ nhận khoán được khai thác thì bà Đặng Thị M, bà Nguyễn Thị Đ1 có đơn xin khai thác và thanh lý Hợp đồng giao khoán đất rừng. Sau khi Công ty thanh lý Hợp đồng với bà Mẽ và bà Đoạt thì chị Lê Thị Nh cho rằng phần đất này trước đây của bà Âu Thị Đ (là mẹ chị Nhiên) đã khai hoang từ trước, chị Nh đã tổ chức cho anh chị em trong gia đình chị Nh mang cây lên phần đất này để trồng. Ngày 24/5/2012, UBND xã đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 05/QĐXP-HC phạt chị Nh 2.000.000đ và buộc chị Nh thu dọn toàn bộ cây trồng trên phần đất tranh chấp để trả lại đất cho Công ty nhưng chị Nh đã không chấp hành. Từ đó đến nay, UBND xã chưa bao giờ tổ chức cưỡng chế đối với chị Nh về việc thi hành Quyết định số 05/QĐXP-HC nói trên. Ngày 08/6/2016, UBND xã Canh N có Quyết định số 101/QĐ-UBND có nội dung hủy bỏ Quyết định số 05/QĐXP-HC do xác định Quyết định số 05/QĐXP-HC ban hành là trái thẩm quyền. Ngày 06/6/2016, UBND huyện Y có Công văn số 409/UBND-VP xác định Quyết định số 05/QĐXP-HC của UBND xã Canh N đã ban hành là đúng thẩm quyền. Ngày 02/3/2018, UBND xã Canh N có Quyết định số 27/UBND hủy bỏ Quyết định số 101/QĐ-UBND. Chị Nh vẫn tiếp tục trồng, chăm sóc cây trên phần diện tích đất rừng đang xảy ra tranh chấp này. Cuối năm 2017, chị Nh đã khai thác toàn bộ cây trên đất và chị Nh đã trồng một số cây keo mới và để mầm chồi cây bạch đàn. Như vậy, chị Nh đã trồng cây trái phép trên phần đất thuộc quyền quản lý, canh tác của Công ty Lâm nghiệp mà không được Công ty ký Hợp đồng thầu khoán trồng rừng là không đúng quy định của pháp luật.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS–ST ngày 11/6/2019, của Toà án nhân dân huyện Y đã áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 109, Điều 581, Điều 584, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 2 điều 26, Điểm a, khoản 2 Điều 27, điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; ngày 30/;12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Thi hành án dân sự xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Lê Thị Nh, chị Lê Thị H, anh Phạm Bá V, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H4, anh Nông Văn L phải khai thác toàn bộ số cây trồng trên đất trả lại đất cho Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệpp Y diện tích 2,0ha (20.000m^2) tại lô a4, khoảnh 9 đội Lâm nghiệp Đèo U, thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4 và diện tích 0,4ha (4.000m^2) tại lô a14, khoảnh 6- Đội Lâm nghiệp Đèo U thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 4 xã Canh N, huyện Y.

* Diện tích đất 0,4ha tại lô a14, khoảnh 6, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp lô b10 khoảnh 6 (đất do ông Nông Viết Th1 đã nhận khoán của Công ty) có chiều dài 46,5m.

- Phía Đông giáp lô b14, b15, khoảnh 6 (đất do bà Nguyễn Thị Đ1 đã nhận khoán của Công ty) có chiều dài 111,3m.

- Phía Nam giáp lô F1, khoảnh 6 có chiều dài 19,5m (đất do ông Nguyễn Văn T3 nhận khoán của Công ty).

- Phía tây giáp lô F1, khoảnh 6 (đất do ông Nguyễn Văn T3 đã nhận khoán Công ty) có chiều dài 83,4m.

* Diện tích đất 2,0ha tại lô a4, khoảnh 9 có tứ cận như sau.

- Phía Bắc giáp đường phân thủy ranh giới đất Công ty có chiều dài 132,6m.

- Phía Đông giáp lô a1, khoảnh 9 (rừng khoán công đoạn của Công ty) và lô a17, khoảnh 9 (rừng khoán chu kỳ của anh Lê Văn K) có chiều dài 217,8m.

- Phía Nam giáp lô a18, khoảnh 9 (đất do vợ chồng bà Đặng Thị M và ông Đinh Công Đ4 đã nhận khoán của Công ty) có chiều dài 25,9m.

- Phía Tây giáp lô c7, khoảnh 9 (đất do vợ chồng ông Đinh Công Đ4 và bà Đặng Thị M nhận khoán của Công ty) có chiều dài 201,3 m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

* Buộc chị Lê Thị Nh, Lê Thị H, anh Phạm Bá V, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H4, anh Nông Văn L có trách nhiệm bồi thường

thiệt hại lợi tức cho Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y số tiền 50.000.000đ. Cụ thể là: Chị Nh 6.250.000đ, chị H 6.250.000đ, anh V 6.250.000đ, chị H3 6.250.000đ, chị H2 6.250.000đ, chị H1 6.250.000đ, chị H4 6.250.000đ, anh L 6.250.000đ.

* Đình chỉ yêu cầu của Công ty đòi chị Lê Thị Nh bồi thường chi phí ngày công do cản trở không sản xuất kinh doanh số tiền là 5.047.000đ.

* Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thờisố 03/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y.

* Hủy bỏ Quyết định số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y về việc phong tỏa số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tại tài khoản 2508211000007 của Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Y.

* Về chi phí thẩm định, định giá. Chị Lê Thị Nh, chị Lê Thị H, anh Phạm Bá V, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H4, anh Nông Văn L mỗi người phải trả cho Công ty TNHH Hai thành viên lâm nghiệp Y số tiền 750.000đ chi phí thẩm định, định giá do Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y đã ứng trước.

* Về án phí DSST: Lê Thị Nh, Lê Thị H, anh Phạm Bá V, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H4, mỗi người phải chịu 460.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị H3, anh Nông Văn L.

Trả lại Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000đ tại Biên lai thu tiền số AB/2010/001148 ngày 17/01/2013 và 1.500.000đ tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0002006 ngày 23/8/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y đã thu.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2019, chị Lê Thị Nh, chị Lê Thị H nộp kháng cáo; ngày 11/7/2019, anh Nông Văn L (chồng chị Nh) và anh Phạm Bá V (chồng chị H) nộp đơn kháng cáo. Vợ chồng chị Nh, anh L và vợ chồng chị H, anh V đều không đồng trả lại đất và bồi thường thiệt hại cho Nguyên đơn.

Ngày 10/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định kháng nghị số 14/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm đã xử vì các lý do sau:

+ Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty khởi kiện đòi 2,4ha đất rừng tại lô a4, khoảnh 9 và lô a14, khoảnh 6 thuộc đội Đèo U vì lý do phần đất này thuộc quyền sử dụng của Công ty. Ngày 22/5/2018, Công ty có đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty đã yêu cầu chị Nh tháo dỡ toàn bộ số cây chồi, cây mới trồng trên phần đất có diện tích 2,4ha để trả lại đất cho Công ty. Công ty còn yêu cầu chị Nh bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 50.000.000đ do hành vi chiếm đất trái phép của chị Nh làm cho Công ty bị thiệt hại do Công ty không trồng cây được trên đất từ năm 2012 đến nay.

Các đương sự trong vụ án gồm: Vợ chồng chị Nh, anh L; vợ chồng chị H, anh V và các chị gồm: Chị H3, chị H2, chị H1, chị H4 là các con của bà Đ và bà Đ đều trình bầy: Phần diện tích đất đang tranh chấp với Công ty có nguồn gốc là của vợ chồng ông Kh, bà Đ khai phá và ông Kh, bà Đ đã cho 7 người con của ông Kh, bà Đ là: Chị Nh, chị H, chị H1, chị H3, chị H4, chị H2, chị Th cùng canh tác. Các anh chị nói trên đã bỏ vốn, công sức trồng cây và chăm sóc cây đến khi thu hoạch thì lợi nhuận chia cho tất cả mọi người. Như vậy, không phải chỉ có một mình chị Nh quản lý sử dụng đất, trồng cây và sử dụng số tiền thu từ việc bán cây. Nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án không hướng dẫn Công ty bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với anh L, chị H, anh V, chị H3, chị H2, chị H1, chị H4. Công ty chỉ khởi kiện yêu cầu một mình chị Nh tháo dỡ cây, trả lại đất và bồi thường cho Công ty. Nhưng Tòa án lại giải quyết buộc cả anh L, chị H, anh V, chị H3, chị H2, chị H1, chị H4 phải tháo dỡ cây để trả lại đất và bồi thường cho Công ty 50.000.000đ. Từ đó bản án sơ thẩm đã buộc chị H, anh V, Hường, chị H1, chị H4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chịu chi phí thẩm định là giải quyết ngoài phạm vi yêu cầu của nguyên đơn, không đúng quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, không đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

+Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty và đã xử buộc chị Nh phải bồi thường thiệt hại cho Công ty 50.000.000đ do chị Nh có hành vi lấn chiếm đất trái phép làm cho Công ty bị thiệt hại do không sản xuất, kinh doanh được từ năm 2012 đến nay là không có cơ sở.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn là Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y không rút đơn khởi kiện. Bị đơn là chị Lê Thị Nh và những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Nông Văn L (chồng chị Nh); chị Lê Thị H (chị gái chị Nh); anh Phạm Bá V (chồng chị H) đều không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Vợ chồng chị Lê Thị Nh và anh Nông Văn L đã trình bầy: Ngồn gốc phần đất đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp là của bố mẹ chị Nh khai hoang từ trước năm 1970 và cho các chị em của chị Nh canh tác. Hiện nay vợ chồng anh chị không còn canh tác nữa mà giao cho vợ chồng chị Lê Thị H, anh Phạm Bá V canh tác. Vợ chồng anh chị không đồng ý trả đất cho Công ty và cũng không đồng ý bồi thường tiền cho Công ty.

- Vợ chồng chị Lê Thị H, anh Phạm Bá V đều trình bầy: Anh chị đồng ý với ý kiến của chị Nh và anh L. Anh chị đều không đồng ý trả đất cho Công ty và cũng không đồng ý bồi thường tiền cho Công ty.

- Công ty Lâm nghiệp do ông Phạm Tiến V1 đại diện đã trình bầy: Công ty không đồng ý với nội dung kháng cáo của vợ chồng chị Nh, anh L và vợ chồng chị H, anh V. Công ty không đồng ý với nội dung của kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang không rút kháng nghị và phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang; chấp nhận 1 phần kháng cáo của chị Nh, anh L, chị H, anh V: Hủy Bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn là Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y (Công ty) yêu cầu chị Lê Thị Nh phải khai thác, di dời toàn bộ cây mà chị Nh đã trồng trên phần đất có diện tích 0,4ha tại lô a14, khoảnh 6 và phần đất có diện tích 2,0ha tại lô a4, khoảnh 9 thuộc đội Đèo U, bản Chay, xã Canh N, Y để trả lại đất cho Công ty. Ngoài ra Công ty còn yêu cầu chị Nh phải bồi thường cho Công ty 50.000.000đ do chị Nh có hành vi lấn chiếm đất trái phép làm cho Công ty bị thiệt hại do không sản xuất, kinh doanh được từ năm 2012 đến nay.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty xử: Buộc vợ chồng chị Lê Thị Nh, anh Nông Văn L và anh Phạm Bá V (chồng chị H) cùng các

chị em của chị Nh gồm: Chị Lê Thị H, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H4 phải khai thác toàn bộ số cây trồng trên đất trả lại 2,4ha đất cho Công ty và bồi thường cho Công ty tổng số tiền là 50.000.000đ (mỗi người 6.250.000đ).

Sau khi xét xử: Vợ chồng chị Lê Thị Nh, anh Nông Văn L và vợ chồng chị Lê Thị H anh Phạm Bá V nộp đơn kháng cáo không đồng ý trả đất và không đồng ý bồi thường cho Công ty.

Ngày 10/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định kháng nghị số 14/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm đã xử vì các lý do: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại phần dất tranh chấp và yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án phải trả đất cho nguyên đơn là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn là không có căn cứ.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của vợ chồng chị Lê Thị Nh, anh Nông Văn L và vợ chồng chị Lê Thị H anh Phạm Bá V không đồng ý trả lại đất cho Công ty và xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết việc tranh chấp QSDĐ là ngoài phạm vi khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về việc xác định ai là người có QSD hợp pháp đối với phần đất tranh chấp có tổng diện tích 2,4ha gồm: 0,4ha tại lô a14, khoảnh 6 và 2,0ha tại lô a4, khoảnh 9 thuộc đội Đèo U, xã bản Chay, xã Canh N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì thấy:

Ngày 13/8/1963, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc ban hành Quyết định số 709/TCCB về việc thành lập Lâm trường Hoàng Hoa Thám. Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc đã giao đất cho Lâm trường quản lý, sử dụng tổng số 15.755ha đất (bao gồm 13.437ha đất lâm nghiệp và 2.318ha đất phi lâm nghiệp); ngày 07/8/1993, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) đã ban hành Quyết định số 745/CT về việc giao đất cho Lâm trường Quốc doanh Y 6.585ha (bao gồm đất có rừng là 2.335ha, đất trống đồi núi trọc là 4.052ha, đất khác là 198ha) tại các xã huyện Y, (phần ranh giới đất của Lâm trường quản lý được xác định tại Tờ bản đồ kèm theo luận chứng kỹ thuật), (BL 39,446); ngày 07/9/1995, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 857/CTvề việc phê duyệt quy hoạch và tổ chức sản xuất Lâm trường Y trong đó đã giao cho Lâm trường

quản lý là 4.038ha đất; ngày 26/6/2002, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1330/CT có nội dung giao cho Lâm trường quản lý là tổng số 4.026ha đất thuộc địa bàn 10 xã, thị trấn bao gồm đất sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) là 771ha; sản xuất lâm nghiệp là 3.143,7ha (đất rừng sản xuất 2.092,1ha, đất rừng phòng hộ 1.008,7ha, rừng đặc dụng 42,9ha); đất phi nông nghiệp 11,3ha). Phần diện tích đất được giao cho địa phương quản lý là 12ha. Ngày 06/12/2006, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UBND phê duyệt phương án chuyển đổi Lâm trường Y thành Công ty Lâm nghiệp Y. Tổng diện tích đất mà Lâm trường đang quản lý và sử dụng là 4.026ha trong đó diện tích đất lâm nghiệp mà Công ty thuê là 3.297ha, diện tích đất được Lâm trường bàn giao cho địa phương là 729 ha. Ngày 08/4/2010, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc thu hồi 811,5ha đất rừng và đất lâm nghiệp của Công ty Lâm nghiệp Y để bàn giao cho địa phương quản lý. Phần diện tích đất còn lại do Công ty quản lý là 2.485,5ha. Ngày 7/7/2010, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1031/QĐ-UBND phê duyệt đề án chuyển đổi Doanh nghiệp Công ty Lâm nghiệp Y thành Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Y. Công ty TNHH Một thành viên lâm nghiệp Y được tiếp tục sử dụng toàn bộ diện tích đất mà Công ty Lâm nghiệp Y đang quản lý sử dụng hợp pháp được phê duyệt là 2.485,5ha và bàn giao 811,52 ha đất lâm nghiệp cho địa phương quản lý.

Năm 2012, Công ty Lâm nghiệp phối hợp với UBND các xã và các đơn vị có liên quan tiến hành đo đạc, rà soát cắm mốc, xác định ranh giới với các chủ sử dụng đất liền kề. Theo Hồ sơ thiết kế trồng rừng năm 2012 thì tổng diện tích đất thực tế mà Công ty đang quản lý sử dụng là 2.341,0ha, trong đó có các phần đất gồm:

- Phần diện tích 2,0ha đất tại lô a4, khoảnh 9 của Đội Lâm nghiệp Đèo U, thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4 của xã Canh N;

- Phần diện tích 0,4ha đất tại lô a14, khoảnh 6 của Đội lâm nghiệp Đèo U thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 4 của xã Canh N.

Tại biên bản thẩm định ngày 25/01/2019, Tòa án đã xác định được phần đất tranh chấp cụ thể như sau:

* Phần đất diện tích 0,4ha (4.000m^2) tại lô a14, khoảnh 6 thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 4 của xã Canh N có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp lô b10 khoảnh 6 (đất do ông Nông Viết Th1 đã nhận khoán của Công ty) có chiều dài 46,5m.

- Phía Đông giáp lô b14, b15, khoảnh 6 (đất do bà Nguyễn Thị Đ1 đã nhận khoán của Công ty) có chiều dài 111,3m.

- Phía Nam giáp lô F1, khoảnh 6 có chiều dài 19,5m (đất do ông Nguyễn Văn T3 nhận khoán của Công ty).

- Phía tây giáp lô F1, khoảnh 6 (đất do ông Nguyễn Văn T3 đã nhận khoán Công ty) có chiều dài 83,4m.

* Phần đất diện tích 2,0ha (20.0000m^2) tại lô a4, khoảnh 9 thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4 của xã Canh N có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường phân thủy ranh giới đất Công ty có chiều dài 132,6m.

- Phía Đông giáp lô a1, khoảnh 9 (rừng khoán công đoạn của Công ty) và lô a17, khoảnh 9 (rừng khoán chu kỳ của anh Lê Văn K) có chiều dài 217,8m.

- Phía Nam giáp lô a18, khoảnh 9 (đất do vợ chồng bà Đặng Thị M và ông Đinh Công Đ4 đã nhận khoán của Công ty) có chiều dài 25,9m.

- Phía Tây giáp lô c7, khoảnh 9 (đất do vợ chồng ông Đinh Công Đ4 và bà Đặng Thị M nhận khoán của Công ty) có chiều dài 201,3 m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Như vậy, căn cứ vào Quyết định số 745/CT ngày 07/8/1993, UBND tỉnh Hà Bắc thì Lâm trường Quốc doanh Y được giao 6.585ha đất lâm nghiệp tại các xã huyện Y trong đó có xã Canh N, (BL 39,446);

Qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý của Công ty Lâm nghiệp nhưng vẫn thể hiện: Phần đất mà Công ty đang tranh chấp với chị Lê Thị Nh gồm 02 phần nói trên đều thuộc tờ bản đồ số 4, xã Canh N nên thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty do Công ty đã được UBND tỉnh Hà Bắc (nay là UBND tỉnh Bắc Giang) giao cho từ ngày 07/8/1993.

Tại Công văn số 3120/TNMT-TBQĐ ngày 22/11/2018, ông Ngô Văn Xuyên là Phó Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang đại diện cho UBND tỉnh Bắc Giang đã nêu: Phần đất đang tranh chấp giữa chị Lê Thị Nh với Công ty thuộc một phần thửa số 06 và 1 phần thửa số 04 đều thuộc tờ bản đồ số 04 của xã Canh N, huyện Y vẫn thuộc phạm vi diện tích đất mà Công ty được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng và thực hiện giao khoán trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định. Đối với phần đất đang tranh chấp này thì Công ty chưa làm thủ tục từ đất được giao sang đất thuê (theo Quyết định số 35/QĐ-UBND tỉnh Bắc Giang ngày 27/01/2015).

Như vậy,với những chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ khẳng định Công ty Lâm nghiệp đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng phần đất

tranh chấp tại lô a14, khoảnh 6 và lô a4, khoảnh 9. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần đất tranh chấp này thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty Lâm nghiệp là có căn cứ.

[1.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

- Công ty khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Nh phải trả cho Công ty 2,4ha đất rừng tại lô a4, khoảnh 9 và lô a14, khoảnh 6 thuộc đội Đèo U vì Công ty cho rằng phần đất tranh chấp này thuộc quyền sử dụng của Công ty.

- Các đương sự trong vụ án gồm: Vợ chồng chị Nh, anh L; vợ chồng chị H, anh V và các chị gồm: Chị H3, chị H2, chị H1, chị H4 (là các con của bà Âu Thị Đ) và bà Đ đều trình bầy: Phần diện tích đất đang tranh chấp với Công ty có nguồn gốc là của vợ chồng ông Kh, bà Đ khai phá; ông Kh, bà Đ đã cho 7 người con của ông Kh, bà Đ là: Chị Nh, chị H, chị H1, chị H3, chị H4, chị H2, chị Th cùng canh tác trên toàn bộ phần đất tranh chấp có diện tích 2,4ha mà không phân định lô, khoảnh, ranh giới đất trồng cây cụ thể của từng người. Các anh chị nói trên đã bỏ vốn, công sức trồng cây và chăm sóc cây đến khi thu hoạch thì lợi nhuận chia cho tất cả mọi người.

Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các anh, chị có tên như đã nêu ở trên cùng có trách nhiệm phải trả lại diện tích đất 2,4ha đang tranh chấp trên cho Công ty là đúng.

Như vậy, trước khi giải quyết vụ án, Tòa án không hướng dẫn cho Công ty là nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Anh L, chị H, anh V, chị H3, chị H2, chị H1, chị H4 là thiếu sót. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về nội dung này là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 07/01/2019, ông .....đại diện cho Công ty đã trình bầy: Công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc: Yêu cầu chị Nh trả đất cho Công ty. Do chị Nh là người tổ chức các anh chị em của chị Nh canh tác trên phần đất của Công ty. Công ty không thể xác định những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là ai? Việc xác định những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thuộc về trách nhiệm của Tòa án, (BL 1007a).

Với những sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, xét thấy cũng không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần phải rút kinh nghiệm về nội dung trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của vợ chồng chị Lê Thị Nh, anh Nông Văn L và vợ chồng chị Lê Thị H anh Phạm Bá V không đồng ý bồi thường tiền cho Công ty;

xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc bản án sơ thẩm đã yêu cầu các đương sự phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 50.000.000đ là không có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn là Công ty đã trình bầy: Theo các Hợp đồng giao khoán trồng rừng giữa Công ty với các hộ bà Đoạt và một số các hộ nhận khoán khác tại các thửa đất liền kề với phần đất tranh chấp với hình thức giao khoán 8 năm/01chu kỳ cây. Người nhận khoán đã thực hiện việc trồng cây, đến khi khai thác cây xong thì Công ty được hưởng 28m^3/1ha/1chu kỳ và phần gỗ còn lại người nhận khoán được hưởng. Số sản phẩm khoán của 2,4ha đất rừng khi hết chu kỳ 8 năm sẽ là 58.464.000đ trừ đi chi phí đầu tư về phân bón và tiền giống cây đối với 2,4ha đất rừng tại thời điểm năm 2012 là 5.836.800đ thì Công ty sẽ thu được số tiền là 52.627.000đ. Như vậy, do chị Nh lấn chiếm đất của Công ty từ năm 2012 đến nay nên Công ty đã bị thiệt hại số tiền là 52.627.000đ. Nhưng Công ty chỉ khởi kiện yêu cầu chị Nh bồi thường số tiền 50.000.000đ.

Anh L (chồng chị Nh) đã khai: Hộ gia đình chị Nh đã khai thác cây và đã bán được 200.000.000đ.

Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu do phía Công ty cung cấp và lời trình bầy của anh L đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc chị Nh và một số người là anh chị em chị Nh phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 50.000.000đ.

Tuy nhiên, để thu được lợi tức từ việc sử dụng đất, trồng cây trên đất phải có việc đầu tư vốn mua cây giống, phân bón, phải bỏ công sức trồng, chăm sóc, bảo vệ cây và quá trình từ khi trồng cây đến khi thu hoạch cây không xẩy ra thiên tai, địch họa hay hỏa hoạn. Từ năm 2012 đến nay, Công ty không phải đầu tư vốn mua cây giống, phân bón và không phải bỏ công sức hỗ trợ kỹ thuật, trồng chăm sóc, bảo vệ cây. Công ty yêu cầu chị Nh bồi thường 50.000.000đ dựa vào diện tích đất tranh chấp tương ứng với mức thu tiền trên phần diện tích đó từ các Hợp đồng giao khoán trồng rừng giữa Công ty với một số hộ nhận khoán khác và dựa vào lời khai của anh L (chồng chị Nh) về việc hộ gia đình chị Nh đã khai thác cây và đã bán được 200.000.000đ. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc chị Nh, anh L, chị H, anh V, chị H3, chị H2, chị H1, chị H4 phải bồi thường thiệt hại cho Công ty 50.000.000đ (mỗi người 6.250.000đ) là không có căn cứ, không đúng quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của vợ chồng chị Lê Thị Nh, anh Nông Văn L và vợ chồng chị Lê Thị H anh Phạm Bá V và chấp nhận kháng nghị của

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa 1 phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của Công ty về nội dung trên.

Công ty phải nộp tiền án phí DSST đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại đã bị bác yêu cầu theo sự phân tích đã nêu ở trên.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận 1 phần kháng cáo của vợ chồng chị Lê Thị Nh, anh Nông Văn L và vợ chồng chị Lê Thị H anh Phạm Bá V, chấp nhận 1 phần kháng nghị của VKS nhân dân tỉnh Bắc Giang: sửa bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 109, Điều 581, Điều 584, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 2 điều 26, Điểm a, khoản 2 Điều 27, điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; ngày 30/;12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Thi hành án dân sự xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Lê Thị Nh, chị Lê Thị H, anh Phạm Bá V, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H4, anh Nông Văn L phải khai thác toàn bộ số cây trồng trên đất trả lại đất cho Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y diện tích 2,0ha (20.000m^2) tại lô a4, khoảnh 9 đội Lâm nghiệp Đèo U, thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4 và diện tích 0,4ha (4.000m^2) tại lô a14, khoảnh 6- Đội Lâm nghiệp Đèo U thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 4 xã Canh N, huyện Y.

* Phần đất diện tích 0,4ha (4.000m^2) tại lô a14, khoảnh 6 thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 4 của xã Canh N có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp lô b10 khoảnh 6 (đất do ông Nông Viết Th1 đã nhận khoán của Công ty) có chiều dài 46,5m.

- Phía Đông giáp lô b14, b15, khoảnh 6 (đất do bà Nguyễn Thị Đ1 đã nhận khoán của Công ty) có chiều dài 111,3m.

- Phía Nam giáp lô F1, khoảnh 6 có chiều dài 19,5m (đất do ông Nguyễn Văn T3 nhận khoán của Công ty).

- Phía tây giáp lô F1, khoảnh 6 (đất do ông Nguyễn Văn T3 đã nhận khoán Công ty) có chiều dài 83,4m.

* Phần đất diện tích 2,0ha (20.0000m^2) tại lô a4, khoảnh 9 thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 4 của xã Canh N có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường phân thủy ranh giới đất Công ty có chiều dài 132,6m.

- Phía Đông giáp lô a1, khoảnh 9 (rừng khoán công đoạn của Công ty) và lô a17, khoảnh 9 (rừng khoán chu kỳ của anh Lê Văn K) có chiều dài 217,8m.

- Phía Nam giáp lô a18, khoảnh 9 (đất do vợ chồng bà Đặng Thị M và ông Đinh Công Đ4 đã nhận khoán của Công ty) có chiều dài 25,9m.

- Phía Tây giáp lô c7, khoảnh 9 (đất do vợ chồng ông Đinh Công Đ4 và bà Đặng Thị M nhận khoán của Công ty) có chiều dài 201,3 m.

(Có sơ đồ kèm theo).

* Bác yêu cầu của Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y về việc buộc chị Lê Thị Nh phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 50.000.000đ.

* Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu chị Lê Thị Nh bồi thường chi phí ngày công do cản trở không sản xuất kinh doanh số tiền là 5.047.000đ.

* Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thờisố 03/2017/QĐ-BPKCTT ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y.

* Hủy bỏ Quyết định số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y về việc phong tỏa số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tại tài khoản 2508211000007 của Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Y.

* Về chi phí thẩm định, định giá. Chị Lê Thị Nh, chị Lê Thị H, anh Phạm Bá V, chị Lê Thị H3, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H4, anh Nông Văn L mỗi người phải trả cho Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệpp Y số tiền 750.000đ chi phí thẩm định, định giá do Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y đã ứng trước.

* Về án phí DSST:

Lê Thị Nh, Lê Thị H, anh Phạm Bá V, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị H1, chị Lê Thị H4, mỗi người phải chịu 460.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị H3, anh Nông Văn L.

Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y phải nộp 2.500.000đ tiền áp phí DSST. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty đã nộp là 3.250.000đ tại Biên lai thu tiền số AB/2010/001148 ngày 17/01/2013 và

1.500.000đ tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0002006 ngày 23/8/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y đã thu. Hoàn trả cho Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp Y số tiền thừa là: 2.250.000đ

Án phí DSPT: Các đương sự không phải nộp tiền tạm ứng án phí DSPT:

Hoàn trả chị Lê Thị Nh 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số AA/2014/0004453 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Hoàn trả chị Lê Thị H 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số AA/2014/0004454 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Hoàn trả anh Phạm Bá V 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số AA/2014/0004463 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện Y;
-Chi cục THADS huyện Y;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền